

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh;

2. Bà Trần Thị Nga;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 703/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tăng Ngọc T, sinh năm: 1984 (vắng mặt – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã BL, huyện BC, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm: 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã BL, huyện BC, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Tăng Ngọc T trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Hoàng M tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL, huyện BC, Thành phố H. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do Ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà và Ông M sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận

thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Bà T yêu cầu ly hôn với Ông M.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Nguyễn Ngọc Gia M, giới tính nữ, sinh ngày 22/9/2009 và trẻ Nguyễn Quốc Gia H, giới tính nam, sinh ngày 20/7/2012. Hiện 02 trẻ đang sống chung với Bà T. Khi ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ M và trẻ H. Bà T không yêu cầu Ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt do có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại Tòa án, không thể hiện ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Bà Tăng Ngọc T yêu cầu được ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn Hoàng M. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh thì “Đương sự Nguyễn Hoàng Mỹ, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã BL, huyện BC, Thành phố H. Tuy nhiên, Ông M thường xuyên vắng mặt tại địa phương”. Như vậy, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 13 quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 3 năm 2009 thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Tăng Ngọc T và Ông Nguyễn Hoàng M là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định đời sống chung vợ chồng giữa Bà T và Ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống với nhau, hai người không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng Ông M vẫn vắng mặt không rõ lý do, điều này cho thấy Ông M đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Công văn số 1677/UBND ngày 22/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã BL trả lời xác minh quan hệ hôn nhân đã xác nhận *“Trong quá trình chung sống giữa Bà Tăng Ngọc T và Ông Nguyễn Hoàng M có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không rõ”*. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và Ông M là có thật. Hơn nữa, Bà T và Ông M cũng đã sống ly thân với nhau trong một thời gian dài. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa Bà T và Ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Bà Tăng Ngọc T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà T và Ông M có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia M, giới tính nữ, sinh ngày 22/9/2009 và Nguyễn Quốc Gia H, giới tính nam, sinh ngày 20/7/2012. Khi ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét, trẻ M và trẻ H đang sống chung với Bà T. Bà T đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ M và trẻ H. Hơn nữa, theo biên bản ghi nhận ý kiến thì trẻ M và trẻ H (đủ 07 tuổi) có nguyện vọng sống chung với Bà T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ M và trẻ H cho Bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà T không yêu cầu Ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà T yêu cầu được tự thỏa thuận với Ông M và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông M vắng mặt, không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và Bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về tài sản chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4]. Về nợ chung: Bà T xác định không có, còn Ông M vắng mặt, không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ chung giữa ông và Bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về nợ chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[4]. Về án phí: Bà Tăng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9 và Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Tăng Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Ngọc T được ly hôn với Ông Nguyễn Hoàng M (Bà T và Ông M đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã BL, huyện BC, Thành phố H cấp ngày 02 tháng 3 năm 2009).

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Gia M, giới tính nữ, sinh ngày 22/9/2009 và Nguyễn Quốc Gia H, giới tính nam, sinh ngày 20/7/2012 cho Bà Tăng Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà T không yêu cầu Ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà T yêu cầu được được tự thỏa thuận với Ông M và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà T xác định không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tăng Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0079630 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt